

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 96/2025/TLST-VHNGĐ ngày 18/7/2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Huỳnh Văn R, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Ấp Bào L, xã Nam T, huyện An B, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Đông T, tỉnh An Giang); tạm trú: Số B, đường Lê Chí D, tổ C, khu D, phường Tương Bình H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường Chánh H, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Ấp Phương Q, xã Phương B, huyện Phụng H, tỉnh Hậu Giang (nay là xã Phương B, Thành phố Cần Thơ); tạm trú: Tổ E, Ấp Kinh N, xã Vĩnh H, huyện Phú G, tỉnh Bình Dương (nay là xã Phước H, Thành phố Hồ Chí Minh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn R và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 tự nguyện kết hôn năm 2012, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam T, huyện An B, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Đông T, tỉnh An Giang), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/2012, ngày 12/04/2012, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, ông R và bà T1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay ông R và bà T1 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông R và bà T1 vẫn giữ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông R và bà T1 thỏa thuận thống nhất giao con chung là cháu Huỳnh Minh T2, sinh ngày 19/11/2012 cho ông R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm được quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn R và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Huỳnh Văn R và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 thỏa thuận thống nhất giao 01 con chung là cháu Huỳnh Minh T2, sinh ngày 19/11/2012 cho ông Huỳnh Văn R trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Huỳnh Văn R có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bà Nguyễn Thị Ngọc T1.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn R và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/25E-0001903 ngày 04/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực A - TP. HCM;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Đông T, An Giang;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ VDS, VT.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Chung

